

Số: 26 /2025/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 19 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện một số hoạt động cho vay tại các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;
Căn cứ Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;
Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
Theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tại Tờ trình số 106/TTr-NHCSĐN ngày 17 tháng 01 năm 2025; Công văn số 168/NHCSĐN-KHTD ngày 18/02/2025; Công văn số 224/NHCSĐN-KHTD ngày 06/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện một số hoạt động cho vay tại các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, KTN, CTĐT, KGVX (38 bản).
(Tân, Tài)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng



QUY ĐỊNH

Về điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện một số hoạt động cho vay tại các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số: 26 /2025/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để hỗ trợ thực hiện một số hoạt động cho vay tại các chương trình mục tiêu quốc gia: Phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế; phát triển các sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm; duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống; phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ có mức sống trung bình có tên trong danh sách Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận theo chuẩn quy định của tỉnh Đồng Nai trong từng thời kỳ.

2. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh để tham gia thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm, phát triển du lịch nông thôn, phát triển các làng nghề truyền thống, phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ tiết kiệm và vay vốn.

4. Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 3. Nguyên tắc cho vay

1. Việc cho vay phải bảo đảm đúng đối tượng và điều kiện vay vốn theo quy định pháp luật hiện hành và Quy định này.

2. Người vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; trả nợ cả gốc và lãi đúng hạn đã ghi trong hợp đồng vay vốn (Sổ vay vốn).

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng được vay vốn theo quy định.

4. Xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng để chiếm đoạt và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách không đúng mục đích.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Các hoạt động cho vay

1. Cho vay đối với hộ có mức sống trung bình

a) Đối tượng được hỗ trợ vay vốn: Hộ có mức sống trung bình có tên trong danh sách Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận theo chuẩn quy định của tỉnh Đồng Nai trong từng thời kỳ.

b) Mức cho vay: Tối đa là 100 triệu đồng/hộ.

c) Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất cho vay đối với hộ mới thoát nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

d) Thời hạn vay: Thời hạn cho vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay và người vay thỏa thuận trên cơ sở nguồn vốn, chu kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của người vay nhưng tối đa không quá 60 tháng.

đ) Mục đích sử dụng vốn vay: Tổ chức sản xuất kinh doanh.

e) Điều kiện vay: Đăng ký cư trú hợp pháp tại địa phương nơi cho vay (thường trú hoặc tạm trú); có tên trong danh sách hộ có mức sống trung bình được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận theo chuẩn quy định của tỉnh Đồng Nai trong từng thời kỳ; không phải thế chấp tài sản và được miễn lệ phí làm thủ tục vay vốn nhưng phải là thành viên tổ tiết kiệm và vay vốn, được tổ tiết kiệm và vay vốn bình xét, lập thành danh sách đề nghị vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú; chủ hộ hoặc người được ủy quyền của các thành viên trong hộ là người đại diện hộ gia đình có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định giao dịch với bên cho vay (cho vay thông qua hộ gia đình, các thành viên trong hộ gia đình cùng chịu trách nhiệm về số tiền vay).

g) Hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay; quy trình thu nợ, thu lãi tiền vay, xử lý nợ đến hạn, kiểm tra sử dụng vốn vay áp dụng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo.

h) Xử lý nợ bị rủi ro: Thực hiện theo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh để tham gia thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm, phát triển du lịch nông thôn, phát triển các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh

a) Đối với hộ gia đình

- Đối tượng được hỗ trợ vay vốn: Hộ gia đình cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nơi cư trú.

- Mức vay: Tối đa 200 triệu đồng/hộ.

- Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất cho vay hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

- Thời hạn vay: Thời hạn cho vay tối đa 120 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của người vay thỏa thuận nhưng không quá 120 tháng.

- Mục đích sử dụng vốn vay: Tổ chức sản xuất, kinh doanh để tham gia thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm, phát triển du lịch nông thôn, phát triển các làng nghề truyền thống.

- Điều kiện vay: Có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh để tham gia thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm, phát triển du lịch nông thôn, phát triển các làng nghề truyền thống; không phải thế chấp tài sản và được miễn lệ phí làm thủ tục vay vốn nhưng phải là thành viên tổ tiết kiệm và vay vốn, được tổ tiết kiệm và vay vốn bình xét, lập thành danh sách đề nghị vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án; chủ hộ hoặc người được ủy quyền của các thành viên trong hộ là người đại diện hộ gia đình có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay (cho vay thông qua hộ gia đình, các thành viên trong hộ gia đình cùng chịu trách nhiệm về số tiền vay).

- Hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay; quy trình thu nợ, thu lãi tiền vay, xử lý nợ đến hạn, kiểm tra sử dụng vốn vay áp dụng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo.

- Xử lý nợ bị rủi ro: Thực hiện theo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND và Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND).

b) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Đối tượng được hỗ trợ vay vốn: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật.

- Mức cho vay: Tối đa 4.000 triệu đồng/dự án.

- Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất cho vay hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

- Thời hạn vay: Thời hạn cho vay tối đa 120 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu

kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của người vay thỏa thuận nhưng không quá 120 tháng.

- Mục đích sử dụng vốn vay: Tổ chức sản xuất, kinh doanh để tham gia thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm, phát triển du lịch nông thôn, phát triển các làng nghề truyền thống.

- Điều kiện vay: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập và hoạt động hợp pháp; có dự án vay vốn tổ chức sản xuất, kinh doanh khả thi để thực hiện các chương trình mỗi xã một sản phẩm, phát triển du lịch nông thôn, phát triển các làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án xác nhận; có bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay; quy trình thu nợ, thu lãi tiền vay, xử lý nợ đến hạn, kiểm tra sử dụng vốn vay áp dụng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

- Xử lý nợ bị rủi ro: Thực hiện theo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND và Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND).

3. Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình để phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Đối với hộ gia đình

- Đối tượng được hỗ trợ vay vốn: Hộ gia đình cư trú hợp pháp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về nơi cư trú.

- Mức vay: Tối đa 200 triệu đồng/hộ.

- Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất cho vay hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

- Thời hạn vay: Thời hạn cho vay tối đa 120 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của người vay thỏa thuận nhưng không quá 120 tháng.

- Mục đích sử dụng vốn vay: Tổ chức sản xuất kinh doanh để phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Điều kiện vay: Có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; có nhu cầu vay vốn để phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; không phải thế chấp tài sản và được miễn lệ phí làm thủ tục vay vốn nhưng phải là thành viên tổ tiết kiệm và vay vốn, được tổ tiết kiệm và vay vốn bình xét, lập thành danh sách đề nghị vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân

cấp xã nơi thực hiện dự án; chủ hộ hoặc người được ủy quyền của các thành viên trong hộ là người đại diện hộ gia đình có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay (cho vay thông qua hộ gia đình, các thành viên trong hộ gia đình cùng chịu trách nhiệm về số tiền vay).

- Hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay; quy trình thu nợ, thu lãi tiền vay, xử lý nợ đến hạn, kiểm tra sử dụng vốn vay áp dụng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo.

- Xử lý nợ bị rủi ro: Thực hiện theo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND và Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND).

b) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

- Đối tượng được hỗ trợ vay vốn: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập và hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật.

- Mức vay: Tối đa 4.000 triệu đồng/dự án.

- Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất cho vay hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

- Thời hạn vay: Thời hạn cho vay tối đa 120 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của người vay thỏa thuận nhưng không quá 120 tháng.

- Mục đích sử dụng vốn vay: Tổ chức sản xuất kinh doanh để sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Điều kiện vay: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập, hoạt động hợp pháp và có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; có dự án vay vốn tổ chức sản xuất, kinh doanh khả thi để phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án xác nhận; có bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay; quy trình thu nợ, thu lãi tiền vay, xử lý nợ đến hạn, kiểm tra sử dụng vốn vay áp dụng theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

- Xử lý nợ bị rủi ro: Thực hiện theo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND và Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND).

Điều 5. Nguồn vốn cho vay; quản lý, sử dụng nguồn vốn và tiền lãi thu được từ cho vay đối với các hoạt động cho vay

1. Nguồn vốn cho vay: Vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển khác, kinh phí thường xuyên từ ngân sách tỉnh ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay.

2. Quản lý, sử dụng nguồn vốn và tiền lãi thu được từ cho vay: Thực hiện theo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND và Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND). Trong đó, quản lý và sử dụng tiền lãi thu được từ cho vay theo từng chính sách tín dụng ưu đãi được trích lập và phân bổ theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên như sau:

a) Cho vay hộ có mức sống trung bình, cho vay chương trình mỗi xã một sản phẩm, cho vay phát triển các làng nghề truyền thống, cho vay phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay theo dư nợ cho vay bình quân, với mức trích là 60% số tiền lãi thu được. Trường hợp lãi thu được sau khi trích dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý thì ngân sách tỉnh cấp bù phần còn thiếu cho Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

- Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách tỉnh. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được. Cụ thể:

+ Phân bổ 10% số tiền lãi thu được để chi công tác tham mưu, chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cá nhân, tập thể trong công tác phối hợp liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách tỉnh. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy chế sử dụng tiền lãi được trích từ cho vay theo quy định.

+ Phân bổ 5% số tiền lãi thu được để chi công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và hỗ trợ động viên, khuyến khích các tập thể, cá nhân trong công tác phối hợp tham gia, đóng góp tích cực vào hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và các công việc khác liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định hiện hành.

- Phần còn lại (nếu có) bổ sung nguồn vốn cho vay.

b) Cho vay phát triển du lịch nông thôn

- Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay theo dư nợ cho vay bình quân, với mức trích là 60% số tiền lãi thu được. Trường hợp lãi thu được sau khi trích dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý thì ngân sách tỉnh cấp bù phần còn thiếu cho Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

- Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách tỉnh. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được. Cụ thể:

+ Phân bổ 10% số tiền lãi thu được để chi công tác tham mưu, chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cá nhân, tập thể trong công tác phối hợp liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng quy chế sử dụng tiền lãi được trích từ cho vay phát triển du lịch nông thôn theo quy định.

+ Phân bổ 5% số tiền lãi thu được để chi công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và hỗ trợ động viên, khuyến khích các tập thể, cá nhân trong công tác phối hợp tham gia, đóng góp tích cực vào hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và các công việc khác liên quan đến hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định hiện hành.

- Phần còn lại (nếu có) bổ sung nguồn vốn cho vay.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 6. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan, hằng năm rà soát, cân đối bố trí ngân sách tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bố trí ngân sách tỉnh, ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để bổ sung nguồn vốn cho vay ưu đãi tại Điều 4 Quy định này.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo công tác điều tra, rà soát, tổng hợp, cung cấp danh sách hộ có mức sống trung bình, các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia chương trình mỗi xã một sản phẩm, phát triển làng nghề truyền thống, phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công

nghe cao cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để làm cơ sở xem xét cho vay theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các cơ quan liên quan để triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch về giảm nghèo bền vững, hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề, chương trình mỗi xã một sản phẩm, phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Ủy ban nhân dân tỉnh gắn với các chính sách tín dụng tại Điều 4 Quy định này (trừ cho vay phát triển du lịch nông thôn) nhằm nâng cao hiệu quả nguồn vốn cho vay.

c) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan để kiểm tra, giám sát, đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và sửa đổi, bổ sung các chính sách tín dụng tại Điều 4 Quy định này (trừ cho vay Phát triển du lịch nông thôn).

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới và phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng trên địa bàn tỉnh gắn với chính sách tín dụng ưu đãi về cho vay phát triển du lịch nông thôn nhằm nâng cao hiệu quả nguồn vốn cho vay.

b) Cung cấp danh sách các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tham gia phát triển du lịch nông thôn cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để làm cơ sở xem xét cho vay theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan để kiểm tra, giám sát, đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và sửa đổi, bổ sung chính sách tín dụng về phát triển du lịch nông thôn.

4. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, khảo sát nhu cầu vay vốn của các đối tượng được hỗ trợ vay vốn, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cân đối, bố trí ngân sách tỉnh để cho vay các chính sách tín dụng ưu đãi tại Điều 4 Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp và các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền về các chính sách tín dụng ưu đãi tại Điều 4 Quy định này đến người dân và các đối tượng thụ hưởng biết, thực hiện.

c) Quản lý và sử dụng nguồn vốn cho vay, thực hiện cho vay đúng đối tượng, điều kiện theo Quy định này; thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, bảo toàn nguồn vốn cho vay.

d) Chỉ đạo Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thành phố báo cáo Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách cùng

cấp, phối hợp các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi tại Điều 4 Quy định này.

d) Phối hợp các sở, ngành liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cho vay.

e) Báo cáo định kỳ hàng năm (trước 31/01) hoặc đột xuất khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và cung cấp số liệu cho các sở, ngành, cơ quan liên quan về kết quả thực hiện cho vay.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trên địa bàn tỉnh

a) Phát huy vai trò tập hợp lực lượng, đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền rộng rãi đến người dân và các đối tượng thụ hưởng biết, thực hiện, giám sát quá trình thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi tại Điều 4 Quy định này, nhất là tuyên truyền để người vay nhận thức đầy đủ trách nhiệm trong việc sử dụng vốn đúng mục đích, trả nợ, trả lãi đầy đủ, đúng hạn theo quy định. Thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội nhằm nâng cao hiệu quả nguồn vốn cho vay.

b) Tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện có hiệu quả các nội dung công việc nhận ủy thác, ủy nhiệm cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định. Trong đó, chú trọng làm tốt công tác bình xét cho vay, đảm bảo công khai, dân chủ, đúng đối tượng; hướng dẫn, đôn đốc người vay sử dụng vốn đúng mục đích; thường xuyên kiểm tra việc sử dụng vốn của người vay nhằm góp phần thực hiện có hiệu quả các chính sách tín dụng ưu đãi tại Điều 4 Quy định này.

c) Phối hợp các sở, ngành liên quan để kiểm tra, giám sát theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tuyên truyền các chính sách tín dụng ưu đãi tại Điều 4 Quy định này đến người dân và các đối tượng thụ hưởng biết, thực hiện, giám sát quá trình thực hiện.

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách tín dụng ưu đãi tại Điều 4 Quy định này; rà soát, khảo sát nhu cầu vay vốn của các đối tượng được hỗ trợ vay vốn theo Quy định này.

c) Trong quá trình triển khai thực hiện, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý các khó khăn, vướng mắc và sửa đổi, bổ sung các chính sách tín dụng ưu đãi này cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 7. Việc sửa đổi, bổ sung

1. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn hay các văn bản thực hiện theo tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại Văn bản mới.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để tổng hợp, báo cáo) xem xét, xử lý kịp thời theo quy định./.